

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2020/HSST
Ngày 04 – 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh

P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Xuân T**, Sinh ngày: 11/02/1992, tại MD, Z; Nơi cư trú: Thôn Đồng Mít, xã DT, huyện MD, thành phố Z; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Trần Quang Minh và bà Lê Thị X; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1995; Con: Có 2 con. Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã DT, huyện MD, thành phố Z (Có mặt)

Người bị hại: Ông Hứa Văn T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh P (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1957 (Là vợ của bị hại); Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh P;
- Anh Hứa Văn B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh P;
- Anh Hứa Đức V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh P;
- Chị Hứa Thị Thanh Minh, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 16, xã Y, huyện TT, tỉnh P

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xã TL, huyện MD, thành phố Z

Người Làm Chứng:

- Chị Đàm Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Đồng Mít, xã DT, huyện MD, thành phố Z
- Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu 1, xã Y, huyện TT, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/3/2020, Trần Xuân T điều khiển xe ô tô BKS 29H-302.37 cùng vợ là chị Nguyễn Thị D – Sinh năm 1995 và người làm thuê là chị Đàm Thị H – Sinh năm 1971 đều ở thôn Đồng Mít, xã DT, huyện MD, thành phố Z chở gạch từ xã DT đi giao tại huyện Tam Nông, tỉnh P. Sau khi giao gạch xong, T điều khiển xe ô tô chở chị D và chị H quay về xã DT. Đến khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày, khi xe đi đến đoạn đường nối giữa quốc lộ 32C và quốc lộ 70B đến ngã ba từ xã Y, huyện TT rẽ đi xã T, huyện TT và xã Hg Xá, huyện TT thuộc khu 1, xã Y, huyện TT thì T bật xi nhan bên phải và điều khiển xe ô tô rẽ phải để đi theo hướng đi xã Hg Xá (đoạn đường nối giữa quốc lộ 32C và quốc lộ 70B). Lúc này, T quan sát thấy ở lòng đường bên phải theo chiều đi của mình có một vũng nước to và bên lề đường phải, gần vũng nước có chị Bùi Thị H1 – sinh năm 1969 ở khu 1, xã Y, huyện TT đang đứng. Để tránh không đi vào vũng nước làm bắn nước lên người chị H1, T đã đánh lái sang bên phần đường bên trái theo chiều đi của mình. Cùng lúc đó, ông Hứa Văn T1 – sinh năm 1957, ở khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh P điều khiển xe đạp đi trên phần đường bên phải theo chiều ngược lại với chiều đi của T (hướng đi từ xã Y đến ngã ba). Do lúc này xe của T đang đi lấn sang phần đường của ông T1 nên sau khi phát hiện thấy ông T1, T đã phanh xe và đánh hết lái sang bên phải để tránh đâm vào ông T1. Tuy nhiên, do phanh gấp nên xe ô tô do T điều khiển đã trượt lết, văng ngang đường, phần đuôi bên trái xe ô tô đã va chạm với ông T1, vị trí va chạm ở phần đường bên phải theo hướng đi của ông T1, làm ông T1 ngã ra đường, phần đầu đập xuống mặt đường chảy nhiều máu, bất tỉnh. Sau khi xảy ra va chạm, T, chị D, chị H xuống xe đưa ông T1 đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện TT nhưng ông T1 đã tử vong sau đó.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Đoạn đường xảy ra tai nạn là khu vực ngã ba giao nhau giữa đường nối quốc lộ 32C và quốc lộ 70B với lối rẽ đi UBND xã T. Vị trí xảy ra tai nạn là trên mặt đường nối quốc lộ 32C và quốc lộ 70B. Chọn hướng khám nghiệm là hướng từ xã Y đi xã Hg Xá, mép đường chuẩn là mép ngoài vạch sơn vàng, vạch kẻ giới hạn lòng đường bên mép đường phải. Tại hiện trường xe ô tô tải BKS 29H-302.37 đứng đỗ trên mặt đường, đầu xe đâm vào lề đường phải theo hướng khám nghiệm, đuôi xe hướng chệch ra lòng đường, trực sau bên phải xe ô tô cách mép đường chuẩn là 2.85m, trực trước bên phải xe ô tô cách mép đường chuẩn là 0.4m; xe đạp màu xanh đỏ nghiêng bên trái, đầu xe hướng ra mép đường phải, trực trước và trực sau xe đạp cách mép đường chuẩn lần lượt là 3.4m và 4.05m; 01 vùng chất màu nâu đỏ bám dính trên mặt đường kích thước 0.5x0.2m cách trực sau xe ô tô BKS 29H-302.37 là 2.9m, cách mép đường chuẩn là 4.5m; ngoài ra tại hiện trường còn phát hiện 05 vết chà sát mặt đường màu đen, hình cách cung hướng theo hướng khám nghiệm; 01 đôi dép nhựa màu đen và 01 mũ cối màu xanh. Kết quả khám nghiệm phương tiện thể hiện: Xe ô tô BKS 29H-302.37 để lại các dấu vết gồm: 01 vết trượt trượt sạch bụi nằm ở bên trái, mặt ngoài thùng xe, trên bề mặt dấu vết có in hằn dấu vết đường vân

vải, kích thước 0.1x0.05m, chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước về sau, cách mép dưới thùng xe 0.15m, cách mép sau thùng xe 0.6m, điểm thấp nhất của dấu vết cách mặt đất 1.36m; 01 dấu vết trượt sạch bụi nằm ở bên trái, mép dưới thành thùng xe, trên bề mặt dấu vết có in hằn dấu vết đường vân vải, kích thước 0.67x0.07m, chiều hướng trước về sau, điểm cuối dấu vết cách điểm cuối thành thùng xe bên phải 0.17m, điểm thấp nhất của dấu vết cách mặt đất 1.2m; đèn chiếu sườn bên phải bị cong gấp từ ngoài vào trong khoảng 60 độ so với vị trí B đầu; 01 dấu vết trượt sạch bụi nằm ở phía sau, bên trái, mặt ngoài chấn bunn kim loại bánh sau, trên bề mặt dấu vết có in hằn dấu vết đường vân vải, chiều hướng từ trước về sau dài 14 cm, điểm rộng nhất ở phần đầu dấu vết là 0.025m, điểm đầu và điểm cuối dấu vết cách mặt đất lần lượt là 1.14m và 1.04m; tại vị trí góc dưới tấm kim loại gắn đèn xi-nhan phía sau bên trái bị đẩy cong gấp từ trái sang phải, từ dưới lên trên lệch 110 độ so với vị trí B đầu. Xe đạp để lại các dấu vết gồm: Ghi đông tay lái bị đẩy lệch từ phải sang trái một góc 30 độ so với vị trí B đầu; mặt trong điểm cong ghi đông bên phải bị cong gấp từ ngoài vào trong thành hình mũi mác, lệch so với vị trí B đầu là 0.02m; yên xe đạp bị đẩy lệch từ phải sang trái một góc 15 độ so với vị trí B đầu; 01 vùng chà sát nhựa nằm ở mặt ngoài, phía sau, bên trái yên xe, chiều hướng từ sau về trước, từ trên xuống dưới, trên bề mặt dấu vết có bám dính chất màu trắng kích thước 0.065x0.03m, điểm thấp nhất của dấu vết cách mặt đất 0.79m; 01 vết trượt sạch bụi mài mòn kim loại nằm ở mép phía trước, mặt ngoài bàn đạp chân chống, kích thước 0.01x0.002m.

Cùng ngày 03/3/2020, Công an huyện TT đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn và thử nhanh ma túy đối với Trần Xuân T, kết quả xác định trong hơi thở Trần Xuân T không có nồng độ cồn và không phát hiện có chất gây nghiện trong nước tiểu của T.

Trung tâm phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P giám định nồng độ cồn trong máu và giám định nguyên nhân chết của ông Hứa Văn T1. Tại bản Kết luận giám định số 309/KLGD ngày 12/3/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận “Trong mẫu máu chứa trong 02 ống nhựa EDTA có nắp bịt kín bên ngoài ghi Hứa Văn T1, SN: 1957, 03/3/2020 gửi giám định không có cồn (Ethanol)”

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 73/PC09-PY ngày 17/3/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận:

“1. Kết quả giám định chính:

- Trên cơ thể ông Hứa Văn T1 có các tổn thương sây sát da, rách da, tụ máu dưới da.
- Chấn thương ngực kín: Tràn khí dưới da vùng ngực bên phải, gãy cung trước nhiều xương sườn bên phải.

2. Nguyên nhân chết:

Do không giải phẫu tử thi nên hội đồng khám nghiệm không thể xác định chính xác nguyên nhân chết của ông Hứa Văn T1. Nhận định nguyên nhân chết của ông Hứa Văn T1 là đa chấn thương”.

Ngày 10/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trưng cầu Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an giám định dấu vết va chạm trên xe ô tô BKS 29H-302.37. Tại

bản Kết luận giám định số 1408/C09-P3 ngày 31/3/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận “Dấu vết trượt, mất bụi đất, in hình các đường kẻ nhỏ (dạng vân vải) ở mặt ngoài thùng xe, mép dưới thành thùng xe, đèn chiếu sườn phía sau, chấn bùm kim loại bánh sau, tấm kim loại gắn đèn xin đường sau bên trái xe ô tô có chiều từ trước về sau (ảnh 4,5,6,7,8,9 trong bản ảnh giám định). Các dấu vết này có đặc điểm giống với đặc điểm của dấu vết được hình thành do va chạm với vải (quần, áo...)”

Quá trình điều tra xác định, nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn là do lỗi của Trần Xuân T, khi tham gia giao thông đã không chấp hành các quy định tại Luật giao thông đường bộ là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả ông Hứa Văn T1 tử vong.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho gia đình ông Hứa Văn T1 số tiền 80.000.000đ. (Tám mươi triệu đồng), đại diện bị hại đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho gia đình ông Hứa Văn T1 01 xe đạp loại xe nữ màu xanh và 01 áo dài tay màu xám, áo bị cắt ở phần vai và phần thân áo; trả lại cho Trần Xuân T 01 xe ô tô BKS 29H - 302.37, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô BKS 29H - 302.37. Vật chứng còn lại của vụ án là 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Xuân T.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT - VKSTT ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 65; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Xác nhận bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000đ theo thỏa thuận. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 03/3/2020, tại đường nối quốc lộ 32C và quốc lộ 70B thuộc khu 1, xã Y, huyện TT, tỉnh P, bị cáo Trần Xuân T đã có hành vi điều khiển xe ô tô BKS 29H-302.37 đi không đúng phần đường, làn đường quy định, không làm

chủ phương tiện, không chú ý quan sát dẫn đến va chạm với ông Hứa Văn T1 – Sinh năm 1957, ở khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh P đang điều khiển xe đạp đi theo phần đường bên phải theo chiều đi của ông T1 làm ông T1 ngã ra đường, bị đa chấn thương và tử vong. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, bị cáo T có giấy phép lái xe theo quy định, thời điểm xảy ra tai nạn giao thông bị cáo H toàn tỉnh táo, làm chủ được hành vi của mình, trong cơ thể của bị cáo không có nồng độ cồn không có các chất gây nghiện khác. Tuy nhiên, vì để tránh vũng nước dưới lòng đường có người đi bộ thuộc phần đường bên phải chiều đi của mình, bị cáo đã điều khiển xe ô tô lấn sang phần đường của phương tiện đi ngược chiều, và khi phát hiện có ông T1 đi xe đạp theo chiều ngược lại, bị cáo đã không làm chủ được phương tiện nên dẫn đến xe do bị cáo điều khiển va chạm với ông T1, làm ông T1 ngã xuống đường, bị thương và tử vong sau khi được đưa đi cấp cứu. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ, quy định các hành vi bị nghiêm cấm “*Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” và khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ quy định quy tắc chung khi tham gia giao thông đường bộ “*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ*”. Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn là do lỗi của bị cáo không chấp hành các quy định của Luật giao thông đường bộ khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông của bị cáo, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả ông Hứa Văn T1 tử vong.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt đến 05 năm tù.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý H1ng mang trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ sức khỏe, tính mạng của mình khi tham gia giao thông, vì vậy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, qua xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là: “Tự nguyện bồi thường thiệt hại...”; “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi xem xét nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, do đó cần xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo làm nghề lái xe, Tuy nhiên, nghề lái xe là duy nhất để bị cáo kiếm sống, duy trì cuộc sống tối thiểu hàng ngày cho bản thân cũng như gia đình, bị cáo phải lo cho 02 em, trong đó có 01 em bị khuyết tật đặc biệt nặng, 01 em còn nhỏ. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), bà Trần Thị L (vợ của ông T1) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết nên cần được xác nhận.

Đối với chị Nguyễn Thị D là vợ bị cáo xác định khoản tiền bồi thường cho gia đình bị hại là tài sản chung của vợ chồng, chị D nhất trí không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5] *Về vật chứng*:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho gia đình bị hại: 01 xe đạp loại xe nữ màu xanh, 01 áo dài tay màu xám, áo bị cắt ở phần vai và phần thân áo; trả lại cho Trần Xuân T 01 xe ô tô BKS 29H - 302.37, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô BKS 29H - 302.37, cần được xác nhận.

Đối với: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Xuân T, do Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,3,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy B nhân dân xã DT, huyện MD, thành phố Z giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), bà Trần Thị L là vợ của bị hại đã nhận số tiền trên, Bà L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Xuân T: 01 giấy phép lái xe ô tô số 170138002653 mang tên Trần Xuân T do Sở giao thông vận tải thành phố Z cấp ngày 26/9/2018.

Vật chứng trên được tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/9/2020, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh P.

- Xác nhận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho gia đình bị hại: 01 xe đạp loại xe nữ màu xanh, 01 áo dài tay màu xám, áo bị cắt ở phần vai và phần thân áo; trả lại cho Trần Xuân T 01 xe ô tô BKS 29H - 302.37, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô BKS 29H - 302.37.

Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Huyện, tỉnh;
- T.H.A.HS, Công an huyện TT;
- UBND xã DT (TB);
- Chi cục THADS huyện TT;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỊCH PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng